TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐIỆN BIÊN	
Số: /2018/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Phủ, ngày 29 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa:

Bà Lò N; địa chỉ: Bản Xẻ, xã P L, huyện Đ, tỉnh B;

Ông Sầm T; địa chỉ: Bản H, phường M, thành phố Đ, tỉnh B;

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, chi nhánh ĐB; đại chỉ: Tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Q - Giám đốc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 và văn bản ngày 21/8/2018 của người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại buổi hòa giải, đối với nội dung hòa giải thành;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải có ý kiến đồng ý bằng văn bản đối với sự thỏa thuận này;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lò N và ông Sầm T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con: Giao con chung Sầm H, sinh ngày 14/11/2014 cho bà Lò N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Sầm T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) một tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ 01/9/2018 cho đến khi cháu Sầm H đủ tuổi thành niên. Không yêu cầu lãi xuất nếu chậm trả tiền cấp dưỡng.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản: Không có.

- Về nợ:

Bà Lò N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Đ B số tiền 158.326.000 đồng (*Một trăm năm tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tiền gốc và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1019/2016/HĐTD của Ngân Hàng.

Ông T có trách nhiệm trả cho bà N 79.163.000 đồng (*Bẩy mươi chín triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) tiền gốc.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lò N cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng ông Sầm T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí:

Bà Lò N chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ

thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 1.979.075 đồng (*Một triệu chín trăm bẩy mươi chín nghìn không trăm bẩy lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ. Khấu trừ số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án bà Lò N đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001961 ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; bà N còn phải nộp 1.829.075 đồng (*Một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn không trăm bẩy lăm đồng*) tiền án phí.

Ông Sầm T chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng và 1.979.075 đồng (*Một triệu chín trăm bẩy mươi chín nghìn không trăm bẩy lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ.

- Về Thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND phường Thanh Trường, TPĐBP;
- Chi cục THSDS TPĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh ĐB;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung